

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/DS-ST.

Ngày 12-6-2025.

V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng.
2. Ông Trương Thanh Nhân.

Thư ký phiên tòa: bà Quách Thúy Lam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Tính-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2024/TLST-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2024 về “*tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Út E, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo giấy ủy quyền ngày 21/11/2023 (có mặt).

Bị đơn: 1/. ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/. Bà Lê Thị N, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp E, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Út E là người đại diện theo ủy quyền cho ông Huỳnh Văn L là nguyên đơn trình bày: Tháng 11/2019 ông có nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Văn B và vợ là bà Lê Thị N (hiện ông B và bà N đã ly hôn) thửa đất số 1563, tờ bản đồ số 7, diện tích 1664m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C với giá là 100.000.000 đồng, ông đã chồng đủ tiền và ông B, bà N cũng đã giao đất cho ông quản lý từ đó. Do ông và ông B là anh em ruột nên tạm thời khi sang bán các bên chỉ làm giấy tay ghi ngày 03/11/2019 các bên cùng ký mà chưa lập hợp đồng chuyển nhượng theo quy định, hiện thửa đất này ông cho người anh hai là ông Huỳnh Văn D ở gần đó mượn canh tác. Tờ sang nhượng đất lập ngày 03/11/2019 do ông L viết, ông L, ông B và bà N cùng ký tên. Qua nhiều lần ông đề nghị ông B và bà N ký hợp đồng chuyển nhượng để ông thực hiện các thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông B không đồng ý, riêng bà N đồng ý. Xét thấy việc ông B và bà N bán và ông mua là sự thỏa thuận tự nguyện hoàn toàn hợp pháp, tiền ông đã trả đủ và giấy tờ ông B cũng đã giao cho ông quản lý từ năm 2019, nhưng nay ông B không đồng ý ký hợp đồng chuyển nhượng để ông thực hiện tiếp các thủ tục biến động, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cố tình cản trở việc đã thỏa thuận, không thực hiện nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Nay ông yêu cầu ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy tay ngày 03/11/2019 và công nhận cho ông là Huỳnh Văn L được tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất số 1563, tờ bản đồ số 7, diện tích 1664m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Theo ông Huỳnh Văn B là bị đơn trình bày: ông là em của ông Huỳnh Văn L, còn bà Lê Thị N là vợ ông đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn vào năm 2019, ông không đồng ý theo yêu cầu của ông Huỳnh Văn L yêu cầu ông và bà Lê Thị N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy tay ngày 03/11/2019 và công nhận cho ông Huỳnh Văn L được tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất số 1563, tờ bản đồ số 7, diện tích 1664m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tờ sang nhượng đất lập ngày 03/11/2019 do ông L viết, ông L, ông và bà N cùng ký tên. Do tin tưởng ông không có đọc nội dung tờ sang nhượng, thực chất là ông chỉ cầm đất cho ông L chứ không có chuyển nhượng đất cho ông L. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp ông không có bán đất cho ông L nên không đồng ý làm thủ tục sang tên cho ông L, nên ông L làm đơn khởi kiện ông đến Tòa án.

Nay ông yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông Huỳnh Văn L, yêu cầu ông L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả lại thửa đất số 1563, tờ bản đồ số 7, diện tích 1664m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông, ông đồng ý trả lại cho ông L 100.000.000 đồng, ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác. Ông chỉ trình bày ý kiến, ông không làm đơn khởi kiện.

Tại bản tự khai bà Lê Thị N trình bày: Bà là vợ của ông Huỳnh Văn B đã được Tòa án giải quyết ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 274/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 25/12/2019, vào ngày 03/11/2019 bà và ông

B có ký tên vào tờ sang nhượng 1,5 công đất ruộng cho ông Huỳnh Văn L là anh ruột ông B với giá 100.000.000 đồng là đúng sự thật, nay bà và ông B đã ly hôn, bản thân bà không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Tại bản tự khai ông Huỳnh Văn D trình bày: ông là anh của ông Huỳnh Văn L và ông Huỳnh Văn B, việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L với ông B thì ông không có ý kiến, ông chỉ cảnh tác trồng lúa trên thửa đất tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đất giao cho người nào nếu lấy lại thì ông sẽ trả, ngoài ra ông không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị N là bị đơn, ông Huỳnh Văn D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, các bên không bổ sung, cung cấp chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cà Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên phía bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể không có mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án triệu tập.

Về nội dung vụ kiện, V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 117, 129, 501, 503 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26, 35, 91, 147, 157, 165, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 97, 202 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L. Công nhận hợp đồng giữa ông L và ông B ngày 03/11/2019 có hiệu lực, công nhận cho ông là Huỳnh Văn L được tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất số 1563, tờ bản đồ số 7, diện tích 1664m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Vị trí tứ cận được thể hiện tại sơ đồ khu đất kèm Công văn số 366/CNHCL ngày 30/8/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Các đương sự liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy theo quy định của pháp luật.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, các bên đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, cấm thay đổi hiện trạng đất dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

Án phí, chi phí khảo sát và định giá: Các bên đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị N là bị đơn, ông Huỳnh Văn D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Út E là người đại diện theo ủy quyền cho ông L là nguyên đơn yêu cầu ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy tay ngày 03/11/2019 và công nhận cho ông Huỳnh Văn L được tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất số 1563, tờ bản đồ số 7, diện tích 1664m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Phía ông Huỳnh Văn B là bị đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông Huỳnh Văn L, yêu cầu ông L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả lại thửa đất số 1563, tờ bản đồ số 7, diện tích 1664m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông, ông đồng ý trả lại cho ông L 100.000.000 đồng, ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác. Ông chỉ trình bày ý kiến, ông không làm đơn khởi kiện.

Do các bên không thỏa thuận được với nhau từ đó phát sinh tranh chấp.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của đương sự, ông Út E là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông L, ông B có trách nhiệm chứng minh quá trình chuyển nhượng và cầm đất giữa hai bên. Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ tổng đạt cho ông Út E là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông L, ông B nhận.

ông L cung cấp được tờ chuyển nhượng đất lập ngày 03/11/2019 nội dung ông B, bà N có chuyển nhượng 1,5 công đất ruộng, số tiền bằng 100.000.000 đồng, ông B và bà N có ký tên và ghi họ tên; Ông đã giao 100.000.000 đồng cho ông B nhận và ông nhận đất sử dụng từ năm 2019 cho đến nay không có ai ngăn cản tranh chấp, ông B có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 1563 cho ông giữ.

ông B cho rằng tờ chuyển nhượng đất lập ngày 03/11/2019 có ký tên nhưng ông không có chuyển nhượng đất mà cầm cố đất, ông thừa nhận có nhận của ông L số tiền 100.000.000 đồng là tiền cầm đất, nên ông cho ông L nhận đất sử dụng từ năm 2019 cho đến nay bên ông không có ngăn cản tranh chấp. Ông cũng không có giấy tờ chứng minh cầm cố đất cho ông L.

Bà N thừa nhận vào ngày 03/11/2019 bà và ông B có ký tên vào tờ sang nhượng 1,5 công đất ruộng cho ông Huỳnh Văn L là anh ruột ông B với giá 100.000.000 đồng là đúng sự thật, nay bà và ông B đã ly hôn, bản thân bà không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Căn cứ qua thẩm định tài sản tranh chấp ngày 09/8/2024 của Văn phòng Đ Chi nhánh huyện C thì có sự chứng kiến phía bên ông L và bên ông B và hai bên đã chỉ đúng vị trí phần đất để Hội đồng thẩm định và sau khi thẩm định xong các bên đều đồng ý, không có ý kiến phản đối gì. Như vậy, thể hiện các bên đã chỉ đúng vị trí đất như kết quả thẩm định của Văn phòng Đ Chi nhánh huyện C ngày 30/8/2024 thì diện tích theo hiện trạng 1652,3m², thuộc thửa 1563, tờ bản đồ số 7 do ông Huỳnh Văn B, bà Lê Thị N đứng tên nhưng bên ông B không có sử dụng, bên ông L quản lý sử dụng từ lúc chuyển nhượng đất năm 2019 cho đến nay, bên ông B không có ai ngăn cản tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L thấy rằng:

Thửa đất 1563, tờ bản đồ số 7, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1664m² do ông Huỳnh Văn B, bà Lê Thị N đứng tên có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn B, bà Lê Thị N nhận chuyển nhượng, đây là tình tiết có thật được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại tờ chuyển nhượng đất lập ngày 03/11/2019 thể hiện ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị N có chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn L 1,5 công đất trồng lúa, ông B nhận đủ số tiền. Quá trình giải quyết vụ án ông B thừa nhận ông L đã sử dụng đất từ năm 2019 cho đến nay, xác minh chính quyền địa phương cho rằng ông L có nhận chuyển nhượng của ông B 1,5 công đất ruộng, ông L giao cho ông D canh tác sử dụng đến nay. Ông B thừa nhận có nhận của ông L số tiền 100.000.000 đồng nhưng ông cho rằng đây là tiền cầm cố đất từ ông L. Xét thấy việc ông L canh tác sử dụng đất từ năm 2019 đến nay không ai tranh chấp hay ngăn cản, phía ông B cũng giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1563 cho ông L quản lý, bà N là vợ ông B đã ly hôn cũng thừa nhận có chuyển nhượng 1,5 công đất ruộng cho ông L. Mặc dù hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên vi phạm về hình thức của giao dịch dân sự nhưng phía ông L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và đã sử dụng đất ổn định từ năm 2019 cho đến nay phía gia đình ông B đều biết nhưng không có ai ngăn cản tranh chấp, căn cứ khoản 1 Điều 129 Bộ luật dân sự quy định “*giao dịch dân*

sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của pháp luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó” nghĩ nên công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng giữa ông L và ông B, bà N là có căn cứ chấp nhận.

Việc ông B cho rằng phần diện tích tranh chấp là cầm cố chứ không có chuyển nhượng cho ông L, yêu cầu này là không có cơ sở chấp nhận bởi theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai quy định về các quyền của người sử dụng đất thì chỉ có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất, không có quyền cầm cố quyền sử dụng đất, do đó hợp đồng cầm cố như ông B trình bày là không có hiệu lực pháp luật.

Theo kết quả khảo sát diện tích thửa 1563 là 1652,3m², tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh công nhận cho ông L là phù hợp quy định.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy tay ngày 03/11/2019 giữa ông Huỳnh Văn L và ông Huỳnh Văn B; Công nhận cho ông Huỳnh Văn L quyền sử dụng đất diện tích 1652,3m² thuộc thửa 1563, tờ bản đồ số 7. Đất tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông L được giữ lại để làm thủ tục tách thửa sang tên diện tích 1652,3m² thuộc thửa đất 1563, tờ bản đồ số 7. Đất tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông B có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật, ông L không phải chịu án phí.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, 129, 501, 503 Bộ luật dân sự 2015;
Áp dụng Điều 97, 100, 101, 126, 166, 167, 179, 202, 203 Luật đất đai năm 2013;
Điều 26, 35, 39, 91, 147, 157, 165, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy tay lập ngày 03/11/2019 giữa ông Huỳnh Văn L và ông Huỳnh Văn B.

Công nhận cho ông Huỳnh Văn L quyền sử dụng đất diện tích 1652,3m², thuộc thửa đất 1563, tờ bản đồ số 7. Đất tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(Vị trí đất theo sơ đồ khu đất Kèm Công văn số: 366/CNHCL ngày 30/8/2024 của Văn Phòng Đ Chi nhánh huyện C).

Khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để chỉnh lý biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Để đảm bảo cho việc Thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng đất và huê lợi gắn liền với đất, không được thay đổi hiện trạng đất hoặc xây cất trồng thêm trong diện tích đất tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông L được giữ lại để làm thủ tục tách thửa sang tên diện tích 1652,3m² thuộc thửa đất 1563, tờ bản đồ số 7. Đất tọa lạc tại ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Số tiền 2.683.000 đồng. ông Huỳnh Văn B có nghĩa vụ phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản. Do Ông L đã tạm ứng trước lệ phí thẩm định, định giá tài sản số tiền 2.683.000 đồng nên ông L được nhận lại khi ông B nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Huỳnh Văn B phải chịu 300.000 đồng, ông Huỳnh Văn L không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002392, ngày 19/01/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Trúc Linh